

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/KDTM-PT**
Ngày: 14 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng

Ông Nguyễn Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 185/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L - Chuyên viên pháp lý của công ty (có mặt).

Địa chỉ: Số M, đường P, phường A, quận K, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Quan Đ, sinh năm 1957 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Hồng N, sinh 1961. (vắng mặt). Bị đơn N ủy quyền cho chồng là bị đơn Đ (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số H, ấp T, xã M, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, Phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1973 (vắng mặt).

3. Bà Lâm Thị Tuyết M, sinh năm 1975 (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bà Danh Thị N, sinh năm 1951 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông Thạch S, sinh năm 1946, chết ngày 25/02/2020.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch S gồm: Vợ là bà Sơn Thị K, sinh năm 1951(vắng mặt) và các con tên: Thạch Thị Sà H, sinh năm 1980 (vắng mặt) và Thạch Xa R, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

7. Ông Thạch H, sinh năm 1951, chết ngày 13/01/2017.

8. Bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1956 (có mặt).

9. Bà Thạch Thị L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

10. Ông Thạch rô Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).

11. Ông Thạch Hải Th, sinh năm 1985 (có mặt).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm: vợ và các con cũng là người có liên quan đến vụ án, cụ thể là: Vợ tên Đặng Thị Tuyết M, và các con tên: Thạch Thị L, sinh năm 1979; Thạch rô Đ, sinh năm 1981; Thạch Hải Th, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

12. Ông Sơn H, sinh năm 1957 (vắng mặt).

13. Bà Thạch Thị T, sinh năm 1959 (vắng mặt).

14. Ông Sơn L, sinh năm 1990 (vắng mặt).

15. Bà Sơn Thị Sà K, sinh năm 1995 (vắng mặt).

16. Bà Sơn Thị Sà K, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Công ty A.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A, thì vụ án có nội dung như sau:*

Ông Đ và bà N có thể chấp tài sản để mua thức ăn nuôi cá của Công ty A. Trong quá trình mua bán, ông Đ và bà N còn thiếu tiền chưa trả. Vì vậy, công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Buộc ông Trần Quan Đ và bà Trần Thị Hồng N liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền mua thức ăn còn thiếu là 5.570.155.274 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/5/2018 là 768.747.386 đồng.

- Buộc ông Trần Quan Đ và bà Trần Thị Hồng N liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2018 đến ngày Tòa án xét xử, với mức lãi suất yêu cầu là 1%/tháng.

- Trường hợp ông Đ và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án buộc xử lý tài sản đã thế chấp để Công ty thu hồi nợ, gồm 06 loại tài sản sau đây:

1. Tài sản thế chấp của ông Đặng Văn T: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CH 00210 do UBND huyện V (nay là thị xã C) cấp ngày 04/4/2011, chi tiết: Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V (nay là khóm C, Phường H, thị xã C), tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 14.590m²; mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 630, quyền số X 26/3/2015/CC-SCC/HĐGD ngày 26/3/2015 tại Văn phòng công chứng D, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/3/2015.

2. Tài sản thế chấp của hộ ông Nguyễn Văn Th, bà Lâm Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn L: Thửa đất số 550, 552, 554, 555, cùng tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 27.655m²; mục đích sử dụng: Lúa, LN, T. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0335 do UBND huyện P cấp ngày 30/5/2002; Hợp đồng thế chấp số công chứng: 629, quyền số X 26/3/2015/CC-SCC/HĐND ngày 26/3/2015 tại Văn phòng công chứng D, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/3/2015.

3. Tài sản thế chấp của bà Danh Thị N: Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 17.145m²; mục đích sử dụng: Ao.t; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0282 QSDĐ/58071004 do UBND thị xã C cấp ngày 2/2/1998. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2322, quyền số X 24/10/2014/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2014 và phụ lục ký ngày 17/3/2015 tại Văn phòng công chứng D và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/10/2014.

4. Tài sản thế chấp của ông Thạch S và bà Sơn Thị K: Thửa đất số: 59, 205, cùng tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Ấp L, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, tổng diện tích: 25.144m²; mục đích sử dụng: Ao. 22339 m²+T 300m² + LnK 2.505m²; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0718 QSDĐ/58070901 do UBND thị xã C cấp ngày 20/02/1997. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2289, quyền số IX 08/10/2014/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2014 và phụ lục ký ngày 17/3/2015 tại Văn phòng công chứng D và đã ký giao dịch bảo đảm ngày 29/10/2014.

5. Tài sản thế chấp của hộ ông Thạch Hơ, Đặng thị Tuyết M, Thạch Thị Na L, Thạch rô Đ, Thạch Hải Th: Thửa đất số: 711; 792, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 39.300m²; mục đích sử dụng: 1L; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0080 do UBND thị xã C cấp ngày 28/12/1996. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2749, quyển số X 17/12/2014/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2014 tại Văn phòng công chứng D và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/12/2014.

6. Tài sản thế chấp của Hộ ông Sơn H, bà Thạch Thị T, bà Sơn Thị Sà Kh, bà Sơn Thị Sà K, ông Sơn L: Thửa đất số 55, 58, 77, 78, tờ bản đồ số 02, cùng địa chỉ: Ấp Tân Thới, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, tổng diện tích: 30.282,8m²; mục đích sử dụng: Ao.t + LnK; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0025 do UBND thị xã C cấp ngày 24/2/1997. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 545, quyển số X 17/03/2015/CC-SCC/HĐGD, ký ngày 17/3/2015 tại Văn phòng công chứng D và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2015.

Sau khi khởi kiện, ông Đ và bà N đã trả được 400.000.000 đồng, Công ty đồng ý trừ vào tiền nợ gốc. Đối với số tiền lãi từ ngày 01/5/2018 đến ngày xét xử, Công ty A đồng ý giảm cho ông Đ, bà N 01 phần, yêu cầu làm tròn số là 1.200.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông Đ, bà N còn phải trả công ty, cụ thể là: Tiền mua thức ăn nuôi cá còn thiếu là: 5.170.155.974 đồng, tiền lãi là: 768.747.368 đồng + 1.200.000.000 đồng, tổng cộng là: 7.138.903.360 đồng.

** Bị đơn Trần Quan Đ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị Hồng N trình bày:* Tôi thừa nhận, chúng tôi còn thiếu công ty số tiền mua thức ăn và tiền lãi như công ty yêu cầu. Chúng tôi đồng ý trả số tiền nêu trên nhưng xin trả chậm thành nhiều lần vì chúng tôi đang gặp khó khăn về kinh tế. Khi nào chúng tôi bán được đất tôi sẽ trả đủ tiền cho Công ty để lấy giấy tờ đất về trả cho người dân. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc tôi cho các hộ dân mượn tiền trong vụ án này. Tôi yêu cầu để chúng tôi tự trả tiền còn thiếu cho Công ty, yêu cầu không phát mãi tài sản thế chấp của các hộ dân. Khi nào các hộ dân trả đủ tiền vốn và lãi cho tôi, tôi sẽ đem nộp cho Công ty và yêu cầu Công ty trả lại giấy tờ đất cho họ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn T trình bày:* Tôi có nhờ ông Đ vay số tiền 60.000.000 đồng và đưa giấy tờ đất cho ông Đ thế chấp, tôi chưa trả tiền lãi cho ông Đ. Tôi yêu cầu khi tôi trả đủ tiền vốn và lãi thì ông Đ phải trả lại giấy tờ đất cho tôi. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay mượn và “Hợp đồng ủy quyền về tài sản” của tôi và ông Đ trong vụ án này. Ông T không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để nguyên đơn là Công ty A thu hồi nợ của ông Đ và bà N.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Thị Tuyết M trình bày:* Gia đình tôi có nhờ ông Đ vay số tiền 80.000.000 đồng và đưa giấy tờ đất cho ông Đ thế chấp, chúng tôi đã trả đủ tiền lãi cho ông Đ. Chúng tôi yêu cầu khi chúng tôi trả đủ tiền vốn thì ông Đ phải trả lại giấy tờ đất cho chúng tôi. Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay mượn và “Hợp đồng ủy quyền về tài sản” của

chúng tôi và ông Đ trong vụ án này. Bà M không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để nguyên đơn là Công ty A thu hồi nợ của ông Đ và bà N.

** Tại phiên hòa giải ngày 09/4/2021 do Tòa án tổ chức, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L trình bày:* Gia đình anh có nhờ ông Đ vay số tiền 80.000.000 đồng và đưa giấy tờ đất cho ông Đ thế chấp, chúng tôi đã trả đủ tiền lãi cho ông Đ. Chúng tôi yêu cầu khi chúng tôi trả đủ tiền vốn thì ông Đ phải trả lại giấy tờ đất cho chúng tôi.

** Tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh Thị N trình bày:* Bà có nhờ ông Đ vay số tiền 50.000.000 đồng và đưa giấy tờ đất cho ông Đ thế chấp, chúng tôi đã trả đủ tiền lãi cho ông Đ. Chúng tôi yêu cầu khi chúng tôi trả đủ tiền vốn thì ông Đ phải trả lại giấy tờ đất cho chúng tôi. Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay mượn và “Hợp đồng ủy quyền về tài sản” của chúng tôi và ông Đ trong vụ án này. Giấy tờ đã thế chấp thì đồng ý xử lý theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn Thị K trình bày:* Gia đình tôi có nhờ ông Đ vay số tiền 75.000.000 đồng và đưa giấy tờ đất cho ông Đ thế chấp, chúng tôi chưa trả tiền lãi cho ông Đ. Chúng tôi yêu cầu khi chúng tôi trả đủ tiền vốn và lãi thì ông Đ phải trả lại giấy tờ đất cho chúng tôi. Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay mượn và “Hợp đồng ủy quyền về tài sản” của chúng tôi và ông Đ trong vụ án này. Bà K không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để nguyên đơn là Công ty A thu hồi nợ của ông Đ và bà N.

** Tại phiên hòa giải ngày 09/4/2021 do Tòa án tổ chức, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn Thị Sà H trình bày:* Gia đình chị có nhờ ông Đ vay số tiền 75.000.000 đồng và đưa giấy tờ đất cho ông Đ thế chấp, chúng tôi chưa trả tiền lãi cho ông Đ. Chúng tôi yêu cầu khi chúng tôi trả đủ tiền vốn và lãi thì ông Đ phải trả lại giấy tờ đất cho chúng tôi. Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay mượn của chúng tôi và ông Đ trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Tuyết M trình bày:* Gia đình tôi có nhờ ông Đ vay số tiền 120.000.000 đồng và đưa giấy tờ đất cho ông Đ thế chấp, chúng tôi chưa trả tiền lãi cho ông Đ. Chúng tôi yêu cầu khi chúng tôi trả đủ tiền vốn và lãi thì ông Đ phải trả lại giấy tờ đất cho chúng tôi. Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay mượn và “Hợp đồng ủy quyền về tài sản” của chúng tôi và ông Đ trong vụ án này. Bà M không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để nguyên đơn là Công ty A thu hồi nợ của ông Đ và bà N.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn H trình bày:* Gia đình tôi có nhờ ông Đ vay số tiền 90.000.000 đồng và đưa giấy tờ đất cho ông Đ thế chấp, chúng tôi chưa trả tiền lãi cho ông Đ. Chúng tôi yêu cầu khi chúng tôi trả đủ tiền vốn và lãi thì ông Đ phải trả lại giấy tờ đất cho chúng tôi. Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay mượn và “Hợp đồng ủy quyền về tài sản” của chúng tôi và ông Đ trong vụ án này. Ông H không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để nguyên đơn là Công ty A thu hồi nợ của ông Đ và bà N.

** Tại phiên hòa giải ngày 09/4/2021 do Tòa án tổ chức, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn L trình bày: Gia đình anh có nhờ ông Đ vay số tiền 90.000.000 đồng và đưa giấy tờ đất cho ông Đ thế chấp, chúng tôi chưa trả tiền lãi cho ông Đ. Chúng tôi yêu cầu khi chúng tôi trả đủ tiền vốn và lãi thì ông Đ phải trả lại giấy tờ đất cho chúng tôi.*

** Đối với các người có liên quan ông Nguyễn Văn Th; chị Thạch Thị L; anh Thạch Rô Đ; chị Thạch Hải Th; bà Thạch Thị T; anh Sơn L,; chị Sơn Thị Sà K và chị Sơn Thị Sà K và các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch S là chị Thạch Xa R: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 267/TB-TLVA, ngày 06/5/2020 và Thông báo về việc bổ sung người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng số 2067/TB-TA, ngày 18/3/2021 và đã tổng đạt hợp lệ cho các người có tên nêu trên được biết nhưng họ không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau đó, Tòa án đã triệu tập hợp lệ họ tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng họ không tham dự. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.*

** Sự việc được Tòa án nhân dân huyện S thụ lý, giải quyết. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 đã quyết định:*

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 165, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 122 và Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A.

1. Buộc bị đơn Trần Quan Đ và Trần Thị Hồng N phải trả cho nguyên đơn là Công ty A, số tiền mua thức ăn nuôi cá còn thiếu là: 5.170.155.974 đồng và tiền lãi là: 1.968.747.386 đồng, tổng cộng là: 7.138.903.360 đồng (*bảy tỷ, một trăm ba mươi tám triệu, chín trăm lẻ ba ngàn, ba trăm sáu mươi đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A, về việc xử lý các tài sản thế chấp để nguyên đơn thu hồi nợ, cụ thể là 06 tài sản sau đây:

2.1. Tài sản thế chấp của ông Đặng Văn T: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CH 00210 do UBND huyện V (nay là thị xã C) cấp ngày 04/4/2011, chi tiết: Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V (nay là khóm C, Phường H, thị xã C), tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 14.590m²; mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản. Hợp đồng thế chấp số công

chứng: 630, quyền số X 26/3/2015/CC-SCC/HĐGD ngày 26/3/2015 tại Văn phòng công chứng D, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/3/2015.

2.2. Tài sản thế chấp của hộ ông Nguyễn Văn Th, bà Lâm Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn L: Thửa đất số 550, 552, 554, 555, cùng tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 27.655m²; mục đích sử dụng: Lúa, LN, T. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0335 do UBND huyện P cấp ngày 30/5/2002; Hợp đồng thế chấp số công chứng: 629, quyền số X 26/3/2015/CC-SCC/HĐGD ngày 26/3/2015 tại Văn phòng công chứng D, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/3/2015.

2.3. Tài sản thế chấp của bà Danh Thị N: Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 17.145m²; mục đích sử dụng: Ao.t; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0282 QSDĐ/58071004 do UBND thị xã C cấp ngày 2/2/1998. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2322, quyền số X 24/10/2014/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2014 và phụ lục ký ngày 17/3/2015 tại Văn phòng công chứng D và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/10/2014.

2.4. Tài sản thế chấp của ông Thạch S và bà Sơn Thị K: Thửa đất số: 59, 205, cùng tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Ấp L, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, tổng diện tích: 25.144m²; mục đích sử dụng: Ao. 22339 m²+T 300m² + LnK 2.505m²; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0718 QSDĐ/58070901 do UBND thị xã C cấp ngày 20/02/1997. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2289, quyền số IX 08/10/2014/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2014 và phụ lục ký ngày 17/3/2015 tại Văn phòng công chứng D và đã ký giao dịch bảo đảm ngày 29/10/2014.

2.5. Tài sản thế chấp của hộ ông Thạch Hơ, Đặng thị Tuyết M, Thạch Thị Na L, Thạch rô Đ, Thạch Hải Th: Thửa đất số: 711; 792, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 39.300m²; mục đích sử dụng: 1L; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0080 do UBND thị xã C cấp ngày 28/12/1996. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2749, quyền số X 17/12/2014/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2014 tại Văn phòng công chứng D và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/12/2014.

2.6. Tài sản thế chấp của Hộ ông Sơn H, bà Thạch Thị T, bà Sơn Thị Sà Kh, bà Sơn Thị Sà K, ông Sơn L: Thửa đất số 55, 58, 77, 78, tờ bản đồ số 02, cùng địa chỉ: Ấp Tân Thới, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, tổng diện tích: 30.282,8m²; mục đích sử dụng: Ao.t + LnK; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0025 do UBND thị xã C cấp ngày 24/2/1997. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 545, quyền số X 17/03/2015/CC-SCC/HĐGD, ký ngày 17/3/2015 tại Văn phòng công chứng D và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2015.

* Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 29/6/2021 Công ty A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Ngày 14/7/2021, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng có quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nếu ông Trần Quan Đ và bà Trần Thị Hồng N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và thay đổi một phần nội dung đơn kháng cáo, Kiểm sát viên vẫn giữ nội dung kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án kinh doanh thương mại số 02/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Công ty A là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Người có quyền kháng nghị, nội dung và hình thức quyết định kháng nghị, thời hạn kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về nội dung:

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty A và Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn là Công ty TNHH ADC, yêu cầu vợ chồng bị đơn Đ và N phải trả số tiền thức ăn còn thiếu là: 5.170.155.974 đồng, tiền lãi là: 768.747.368

đồng + 1.200.000.000 đồng, tổng cộng là: 7.138.903.360 đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để nguyên đơn thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn Đ thừa nhận còn thiếu tiền mua thức ăn nuôi cá và tiền lãi là: 7.138.903.360 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn Đ và N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là Công ty A với số tiền là: 7.138.903.360 đồng là có căn cứ.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty A thay đổi một phần đơn kháng cáo, do sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn Trần Quan Đ đã trả cho Công ty A 960.000.000 đồng đối với số tiền vốn mua thức ăn và Công ty A đã giải chấp tài sản thế chấp của hộ ông Nguyễn Văn Th, bà Lâm Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn L: Thửa đất số 550, 552, 554; 555, tờ bản đồ số 2, cùng địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 27.655m²; mục đích sử dụng: Lúa, LN, T. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0335 do UBND huyện P cấp ngày 30/5/2002; Hợp đồng thế chấp số công chứng: 629, quyển số X 26/3/2015/CC-SCC/HĐND ngày 26/3/2015 tại Văn phòng công chứng D, Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/3/2015. Nay Công ty A yêu cầu các bị đơn trả số tiền còn nợ gồm vốn gốc 4.210.155.974 đồng và tiền lãi 1.968.746.686 đồng. Tổng cộng là 6.178.902.660 đồng.

[3.3] Đối với yêu cầu xin trả chậm thành nhiều lần của các bị đơn, vì gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý cho các bị đơn trả chậm thành nhiều lần. Vì vậy, yêu cầu xin trả chậm của các bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý các tài thế chấp để thu hồi nợ, thì thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, các chủ tài sản thế chấp không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để nguyên đơn thu hồi nợ của bị đơn, vì họ cho rằng chỉ thế chấp tài sản để vay tiền chứ không thế chấp tài sản để đảm bảo cho việc mua thức ăn nuôi cá. Bị đơn Đ cũng thừa nhận: Có nhận các tài sản là các giấy ủy quyền của các người liên quan để cho họ vay tiền chứ không phải nhận tài sản để thế chấp mua thức ăn nuôi cá của Công ty A. Bị đơn Đ đồng ý tự mình trả tiền còn thiếu cho Công ty A và yêu cầu Tòa án, bị đơn yêu cầu không xử lý 06 tài sản thế chấp nêu trên.

[3.4.1] Theo các hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho bên thứ ba và các hợp đồng ủy quyền đã được công chứng hợp lệ: Ông Đặng Văn T; ông Nguyễn Văn Th và vợ là bà Lâm Thị Tuyết M; bà Danh Thị N; ông Thạch S và vợ là bà Sơn Thị K; ông Thạch H và vợ là bà Đặng Thị Tuyết M; ông Sơn H và vợ là bà Thạch Thị T (bên A). Thì tất cả đều dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất ủy quyền cho Doanh nghiệp tư nhân thủy sản Hưng Đ Phát (bên B) do ông Trần Quan Đ là Chủ doanh nghiệp. Với nội dung ủy quyền thể hiện rõ: Bên A ủy quyền cho bên B được toàn quyền quản lý, sử dụng. Trong thời gian quản lý sử dụng được toàn quyền thế chấp, góp vốn, cho thuê bất động sản nêu trên, kể cả việc ký vào phục lục hợp đồng, hợp đồng, hủy bỏ hợp đồng thế chấp, góp vốn, cho thuê được toàn quyền tham gia tố tụng, tranh tụng tại cơ quan Tòa án, Thi hành án, định giá nhận tiền thuê, thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên tại khoản 1 Điều này. Bên B

được nhận tiền thanh toán nợ gốc, nợ lãi, đăng ký xóa thế chấp tại cơ quan giao dịch bảo đảm, nhận lại tài sản khi thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản. Khi thực hiện các công việc được ủy quyền này bên B được lập và ký các giấy tờ cần thiết tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, được quyền nhận tiền trong trường hợp dùng các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (nếu có) nếu có để thế chấp, cho thuê...

[3.4.2] Sau khi được ủy quyền ông Trần Quan Đ và Công ty A lập hợp đồng thế chấp tất cả 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Công ty A. Tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã C và huyện P.

[3.4.3] Việc ông Đặng Văn T; ông Nguyễn Văn Th và vợ là bà Lâm Thị Tuyết M; bà Danh Thị N; ông Thạch S và vợ là bà Sơn Thị K; ông Thạch H và vợ là bà Đặng Thị Tuyết M; ông Sơn H và vợ là bà Thạch Thị T lập hợp đồng ủy quyền cho ông Trần Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận giữa các bên là phù hợp theo quy định tại Điều 581 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại Điều 581 quy định: *“Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, còn bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao, nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất được đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã C và huyện P là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ. Việc ông Trần Quan Đ và Công ty A lập hợp đồng thế chấp bất động sản là để đảm bảo cho bên thứ ba là đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013. Điểm g khoản 1 Điều 179 quy định: *“Thế chấp quyền sử dụng đất tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam, tại tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật”*

[3.4.4] Từ những phân tích trên nhận thấy các ông (bà) Đặng Văn T; ông Nguyễn Văn Th và vợ là bà Lâm Thị Tuyết M; bà Danh Thị N; ông Thạch S và vợ là bà Sơn Thị K; ông Thạch H và vợ là bà Đặng Thị Tuyết M; ông Sơn H và vợ là bà Thạch Thị T đã ủy quyền cho ông Trần Quan Đ được quyền thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất để bảo đảm cho việc thanh toán nợ mua thức ăn thủy sản với Công ty A. Nên Công ty A yêu cầu giải quyết buộc ông Trần Quan Đ và bà Trần Thị Hồng N thanh toán số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ tổng cộng là 7.138.902.660 đồng. Trường hợp ông Trần Quan Đ và bà Trần Thị Hồng N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Công ty A là không đúng quy định, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty A. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Công ty A và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa một phần bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân huyện S tỉnh Sóc Trăng theo hướng chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn là Công ty A.

[4] Đối với kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính lãi suất vụ án kinh doanh thương mại nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm cũng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng là thấp hơn so với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là có lợi cho các bị đơn. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những căn cứ đã phân tích như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty A và chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại số 02/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S tỉnh Sóc Trăng.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn là Công ty A không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[8] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty A.

Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 165, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 122 và Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A.

1. Buộc các bị đơn Trần Quan Đ và Trần Thị Hồng N phải trả cho nguyên đơn là Công ty A số tiền còn nợ gồm vốn gốc 4.210.155.974 đồng và tiền lãi 1.968.746.686 đồng. Tổng cộng là 6.178.902.660 đồng (*sáu tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm lẻ hai ngàn, sáu trăm sáu mươi đồng*). Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Trường hợp các bị đơn không trả nợ thì nguyên đơn là Công ty A có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý các tài sản thế chấp để nguyên đơn thu hồi nợ, cụ thể là 05 tài sản sau đây:

2.1. Tài sản thế chấp của ông Đặng Văn T: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CH 00210 do UBND huyện V (nay là thị xã C) cấp ngày 04/4/2011, chi tiết: Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V (nay là khóm C, Phường H, thị xã C), tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 14.590m²; mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 630, quyền số X 26/3/2015/CC-SCC/HĐGD ngày 26/3/2015 tại Văn phòng công chứng D, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/3/2015.

2.2. Tài sản thế chấp của bà Danh Thị N: Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 17.145m²; mục đích sử dụng: Ao.t; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0282 QSDĐ/58071004 do UBND thị xã C cấp ngày 2/2/1998. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2322, quyền số X 24/10/2014/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2014 và phụ lục ký ngày 17/3/2015 tại Văn phòng công chứng D và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/10/2014.

2.3. Tài sản thế chấp của ông Thạch S và bà Sơn Thị K: Thửa đất số: 59, 205, cùng tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Ấp L, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, tổng diện tích: 25.144m²; mục đích sử dụng: Ao. 22339 m²+T 300m² + LnK 2.505m²; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0718 QSDĐ/58070901 do UBND thị xã C cấp ngày 20/02/1997. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2289, quyền số IX 08/10/2014/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2014 và phụ lục ký ngày 17/3/2015 tại Văn phòng công chứng D và đã ký giao dịch bảo đảm ngày 29/10/2014.

2.4. Tài sản thế chấp của hộ ông Thạch Hơ, Đặng thị Tuyết M, Thạch Thị Na L, Thạch rô Đ, Thạch Hải Th: Thửa đất số: 711; 792, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, diện tích: 39.300m²; mục đích sử dụng: 1L; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0080 do UBND thị

xã C cấp ngày 28/12/1996. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2749, quyền số X 17/12/2014/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2014 tại Văn phòng công chứng D và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/12/2014.

2.5. Tài sản thế chấp của Hộ ông Sơn H, bà Thạch Thị T, bà Sơn Thị Sà Kh, bà Sơn Thị Sà K, ông Sơn L: Thửa đất số 55, 58, 77, 78, tờ bản đồ số 02, cùng địa chỉ: Ấp Tân Thới, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, tổng diện tích: 30.282,8m²; mục đích sử dụng: Ao.t + LnK; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 0025 do UBND thị xã C cấp ngày 24/2/1997. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 545, quyền số X 17/03/2015/CC-SCC/HĐGD, ký ngày 17/3/2015 tại Văn phòng công chứng D và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2015.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*) nguyên đơn đã nộp và đã sử dụng hết cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Vì vậy, bị đơn Đ và N có nghĩa vụ nộp để trả lại cho nguyên đơn là Công ty A, số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*).

4. Án phí sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu. Nguyên đơn là Công ty A được nhận lại 57.169.000 đồng (*năm mươi bảy triệu, một trăm sáu chín ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004069, ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

5. Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty A không phải chịu, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003815, ngày 25/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bản này có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu HSA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Thành